

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 01 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Trung Tá.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Văn Chiên.

2. Bà Trần Thị Mùi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Giang Tiến Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa:

Bà: Nguyễn Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019 tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 07 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị D, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Vàng Văn L, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản C, xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt tại phiên tòa không lý do (lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn; bản tự khai; biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Hoàng Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vàng Văn L về chung sống với nhau từ năm 2008, đến ngày 07 tháng 11 năm 2012 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu. Chị và anh L kết hôn trên cơ sở cả hai hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn chị và anh L chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị phát hiện anh L có sử dụng chất ma túy. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã mặc dù hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên can hòa giải nhưng anh L không thay đổi. Sau đó đến khoảng tháng 10/2016 chị và anh L sống ly thân và không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện tại bản thân chị không còn tình cảm với anh L. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vàng Văn L để vợ chồng giải thoát cho nhau.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung. Cháu lớn tên là Vàng Văn U, sinh ngày 24/8/2010 và cháu nhỏ tên là Vàng Văn H, sinh ngày 06/7/2012. Sau khi ly hôn chị cảm thấy bản thân không đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nên chị đã thỏa thuận với anh L là 02 con chung sẽ giao cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cả hai con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Mặc dù anh L không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con và cũng không có ý kiến gì về việc chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nhưng bản thân chị cảm thấy con chung là cháu Vàng Văn H còn nhỏ nên tại phiên tòa chị tự nguyện cấp dưỡng cho cháu H số tiền là 700.000 đồng vào ngày 01 mỗi tháng. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng là từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Ngoài ra chị đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị cho cháu H vào phần Quyết định của Bản án.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận chị và anh Vàng Văn L không có nợ chung.

[2] Tại bản tự khai; biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Vàng Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống rồi đi đăng ký kết hôn như chị D trình bày là hoàn toàn đúng. Anh L không có thêm ý kiến gì. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng thì không phải như chị D nói. Bản thân anh đúng là có sử dụng chất ma túy nhưng hiện tại anh đã từ bỏ. Nguyên nhân chính dẫn đến vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn là do vợ chồng chưa thực sự hiểu nhau, bất đồng về quan điểm nhưng những mâu thuẫn đó của hai vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn, hơn nữa bản thân anh vẫn còn tình cảm với vợ nên đề nghị Tòa án hàn gắn cho vợ chồng anh trở về đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau chung sống hạnh phúc.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung. Cháu lớn tên là Vàng Văn U', sinh ngày 24/8/2010 và cháu nhỏ tên là Vàng Văn H, sinh ngày 06/7/2012. Trường hợp nếu phải ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai cháu cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng cho con chung: Anh không yêu cầu chị D phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Việc chị D tự nguyện cấp dưỡng 700.000 đồng mỗi tháng cho cháu Vàng Văn H anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác nhận anh và chị D không có nợ chung.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa xét xử vụ án ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Chưa giải thích quyền dùng tiếng nói dân tộc của nguyên đơn.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không chấp hành đúng nghĩa vụ có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị D, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Vàng Văn L.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Vàng Văn U', sinh ngày 24/8/2010 và cháu Vàng Văn H, sinh ngày 06/7/2012 cho bị đơn anh Vàng Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H và cháu U' đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Định kỳ vào ngày 01 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 03 năm 2019 chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng cho anh L nuôi cháu Vàng Văn Hoan sinh ngày 06/7/2012 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng 300.000 đồng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu theo biên lai số: AA/2010/0002129 ngày 13/12/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử Tòa án đã tiến hành tố tụng đúng theo quy định, trình tự của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập, tuy nhiên tại phiên Tòa sơ thẩm ngày 23 tháng 01 năm 2019 bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn về Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập nhưng tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Vàng Văn L theo quy định tại Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị D và anh Vàng Văn L là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị D và anh L chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng tháng 6/2016 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hay cãi vã, xung đột với nhau. Đến tháng 10/2016 thì chị D và anh L sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng anh chị mâu thuẫn là do chị D phát hiện anh L sử dụng ma túy, chị đã khuyên can nhưng anh không nghe, một nguyên nhân khác là vợ chồng anh chị không hợp tính tình.

Qua xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Lai Châu anh Vàng Văn L hiện tại không phải là đối tượng nghiện ma túy tại địa phương. Tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị D đã thực sự trầm trọng. Mặc dù anh L cho rằng vẫn còn tình cảm với vợ nhưng cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra những cãi vã, không còn hạnh phúc, không cùng quan điểm sống. Chị D và anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2016 đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân đó anh L và chị D cũng đã được gia đình hòa giải, hàn gắn cho hai vợ chồng nhưng anh L và chị D không quan tâm đến nhau. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận khởi kiện về việc ly hôn của chị D đối với anh L là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về nuôi con chung:

Chị D và anh L có 02 con chung. Cháu lớn tên là Vàng Văn U', sinh ngày 24/8/2010 và cháu nhỏ tên là Vàng Văn H, sinh ngày 06/7/2012.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai của anh L và chị D cùng với biên bản hòa giải tại Tòa án. Chị D và anh L đã thỏa thuận, thống nhất: Sau khi ly hôn 02

con chung sẽ giao lại cho anh L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Qua các lời khai của chị D tại Tòa án trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay cho thấy chị D tự nhận bản thân là người có thu nhập thấp khoảng 3.000.000 đồng, chị hay đau ốm và chỗ ở còn khó khăn. Vì vậy, sau khi ly hôn chị không có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Mặt khác anh L cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 02 con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Cháu Vàng Văn U (8 tuổi) cũng có nguyện vọng ở với bố. Do đó thỏa thuận về người nuôi con sau khi ly hôn giữa chị D và anh L là hoàn toàn có căn cứ, đã đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho các cháu Tòa án cần chấp nhận.

[4]. Về cấp dưỡng cho con chung: Anh L không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng cho con chung. Tuy nhiên bản thân chị Hoàng Thị D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Vàng Văn H số tiền là 700.000 đồng định kỳ vào ngày 01 hàng tháng. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 03/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, đồng thời chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng trong bản án. Anh L không có ý kiến gì về sự tự nguyện cấp dưỡng của chị D. Xét thấy việc tự nguyện cấp dưỡng cho con của chị D là phù hợp với pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội nên cần chấp nhận.

[5]. Về chia tài sản chung: Chị Hoàng Thị D và anh Vàng Văn L tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị Hoàng Thị D và anh Vàng Văn L xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm về vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 54; khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố chị Hoàng Thị D được ly hôn với anh Vàng Văn L.

2. Về nuôi con chung: Giao 02 con chung là cháu Vàng Văn U', sinh ngày 24/8/2010 và cháu Vàng Văn H, sinh ngày 06/7/2012 cho anh Vàng Văn L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu U' và cháu H đủ 18 tuổi. Chị Hoàng Thị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Vàng Văn H số tiền là 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) định kỳ vào ngày 01 hàng tháng. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2019 cho đến khi cháu Vàng Văn H đủ 18 tuổi.

4. Về chia tài sản chung: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Vàng Văn L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Nguyên đơn chị Hoàng Thị D và bị đơn anh Vàng Văn L xác nhận không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí: Chị Hoàng Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng và phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng. Tổng số án phí chị D phải nộp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu là 600.000 đồng. Chị D được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số: AA/2010/0002129 ngày 13 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Vậy chị Hoàng Thị D phải tiếp tục nộp thêm 300.000 đồng tiền án phí cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (Địa chỉ: Thôn Hữu Nghị, thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu)

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp trên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện P;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Trung Tá

HTND

HTND

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Trung Tá